

Số: 61/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 08 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2022/TLST/HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Lệ T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Sơn Minh S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị Lệ T và anh Sơn Minh S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Thạch Thị Lệ T và anh Sơn Minh S tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- **Về nuôi con tên:** Sơn Minh T, sinh ngày 17/12/2011 (*có nguyện vọng sống với mẹ*). Anh Sốt và chị T tự thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Thạch Thị Lệ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Sơn Minh T, sinh ngày 17/12/2011, khi ly hôn.

Anh Sơn Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng chị T, anh S không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Tại phiên hòa giải Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị T, anh S không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- **Về số nợ phải thu, phải trả:** Tại phiên hòa giải chị T, anh S không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Thạch Thị Lệ T và anh Sơn Minh S là người dân tộc thiểu số, sống xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang thuộc xã đặc biệt khó khăn, chị T và anh S có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thẩm phán chấp nhận Thạch Thị Lệ T và anh Sơn Minh S được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lý Thanh Lâm